

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24/3/2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T - Giám đốc Chi nhánh khu vực B Quảng Ninh - Ngân hàng N (Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 6 khu 7B, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 6 khu 7B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ 34 khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 34 khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến hết ngày 24/3/2021 ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M còn nợ Ngân hàng N, tổng số tiền là 1.319.220.828đ (*Một tỷ, ba trăm mười chín triệu, hai trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai tám đồng*) trong đó: nợ gốc là 203.250.000đ, lãi trong hạn là 788.579.652đ, lãi quá hạn là 327.391.176đ (theo Hợp đồng tín dụng số 1197025/HĐTD ngày 22/4/2011 giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M.

Phương thức thanh toán khoản nợ:

+ Chậm nhất đến ngày 31/5/2021 ông H, bà M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 203.250.000đ;

+ Chậm nhất đến ngày 31/12/2021 ông H, bà M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 394.289.826đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/3/2021 của số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông H, bà M trả nợ theo đúng thỏa thuận như phương thức thanh toán trên thì sẽ được Ngân hàng N miễn phần tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/3/2021 là 327.391.176đ và một phần tiền lãi trong hạn tính đến ngày 24/3/2021 là 394.289.826đ (Tổng số tiền được miễn nếu trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận là 721.681.002đ).

Trường hợp ông H, bà M vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào như đã thỏa thuận theo phương thức thanh toán đã cam kết trên, thì Ngân hàng sẽ không miễn phần tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/3/2021 là 327.391.176đ và một phần tiền lãi trong hạn tính đến ngày 24/3/2021 là 394.289.826đ; Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 1197025/HĐTC ngày 22/4/2011 giữa Ngân hàng N với ông Đỗ Văn L, bà Trịnh Thị M để thu hồi khoản nợ vay còn thiếu cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, thì ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền còn thiếu, cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M theo Hợp đồng tín dụng nói trên được bảo đảm bằng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27; Địa chỉ: Tổ 34 khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 077014, sổ vào sổ H34445 do UBND thành phố H cấp ngày 11/01/2008 mang tên ông Đỗ Văn L và bà Trịnh Thị M.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 25.780.000đ. Trả lại Ngân hàng N số tiền 30.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 19/10/2020 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002775 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp H;
- THA Tp H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Mạnh Chiến